

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST  
Ngày: 05-4-2024  
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thân;
- Ông Nguyễn Văn Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1968; cư trú tại: tổ 8, khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Chị Dương Thị M, sinh năm 1985, cư trú tại: Ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998, cư trú tại: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 8 năm 2023), chị M và chị Th vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 và chị Nguyễn Thị Trúc Ng, sinh năm 1981, cùng cư trú tại: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh S và chị Ng vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Dương Thị M, chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Ông Lê Văn T có cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Trúc Ng vay tổng số tiền 698.000.000 đồng, cho vay 07 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 15/9/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của chị Ng ký tên xác nhận, thỏa thuận miệng 01 tháng sẽ trả đủ số tiền nợ gốc, tiền lãi thì theo lãi ngân hàng. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho chị Ng.

Lần 2: Vào ngày 20/9/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của anh S. Hẹn 10 ngày sẽ trả nợ gốc. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho anh S.

Lần 3: Vào ngày 21/9/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 15.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của anh S. Hẹn trong tháng trả nợ gốc. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho anh S.

Lần 4: Vào ngày 25/9/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của anh S. Hẹn vài ngày rồi trả nợ gốc. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho anh S.

Lần 5: Vào ngày 07/11/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của anh S. Hẹn vài ngày rồi trả nợ gốc. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho anh S.

Lần 6: Vào ngày 17/11/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của anh S. Hẹn vài ngày rồi trả nợ gốc. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho anh S.

Lần 7: Vào ngày 24/12/2022 ông T cho vợ chồng anh S, chị Ng vay số tiền 23.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ, có chữ ký của hai vợ chồng anh S, chị Ng. Hẹn vài ngày rồi trả nợ gốc. Lần vay này ông T giao tiền trực tiếp cho hai vợ chồng anh S, chị Ng.

Hai bên thoả thuận trả lãi theo tiền lãi ngân hàng. Mục đích vay tiền anh S, chị Ng dùng để trả nợ.

Nay ông Lê Văn T yêu cầu anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Trúc N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc 698.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng kể từ ngày vay theo từng giấy nợ đến khi giải quyết xong vụ án. Đến ngày 19/3/2024 ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất trên số nợ vay gốc.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S, bà Ng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.*

Tại phiên tòa: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Trúc Ng về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh S, chị Ng hoàn trả số tiền 698.000.000 đồng. Về án phí: Anh S, chị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Lê Văn T khởi kiện ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc Ng, địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** yêu cầu trả số tiền vay, tiền lãi. **Căn** cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về

hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú xác định anh S, chị Ng vắng mặt tại nơi cư trú tại tổ 02, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, không xác định thời điểm trở về nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho anh S, chị Ng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh S, chị Ng để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S, chị Ng vắng mặt không có lý do. Anh S, chị Ng có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Anh S, chị Ng phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Ông Lê Văn T cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 07 (bảy) “Giấy mượn tiền” ghi ngày 21/9/2022, 25/9/2022, 07/11/2022, 20/9/2022, 17/11/2022, nội dung thể hiện bên cho vay ông Lê Văn T, bên vay anh Nguyễn Văn S, tổng số tiền vay 375.000.000 đồng; giấy nợ ngày 15/9/2022 thể hiện bên cho vay ông Lê Văn T, bên vay chị Nguyễn Thị Trúc Ng, số tiền vay 300.000.000 đồng; giấy nợ ngày 24/12/2022 bên cho vay ông Lê Văn T, bên vay anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Trúc Ng, số tiền vay 23.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Văn S” và “Nguyễn Thị Trúc Ng”. Lời trình bày của ông T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên là sự thật.

Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Trúc Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, địa điểm trả nợ của bên vay. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc anh S, chị Ng có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay 698.000.000 đồng.

[2.2] Yêu cầu tính lãi: Ngày 19/3/2024, ông T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện anh S, chị Ng về việc trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày vay của từng khoản nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Tuấn buộc anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Trúc Ng có nghĩa vụ trả số tiền vay 698.000.000 đồng. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính tiền lãi.

Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 698.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày vay của từng giấy nợ đến khi xét xử sơ thẩm của ông T.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Trúc Ng phải chịu 31.920.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Trúc Ng về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Trúc Ng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền vay 698.000.000 (sáu trăm chín mươi tám triệu) đồng. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Trúc Ng có nghĩa vụ trả tiền lãi của số tiền 698.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Trúc Ng phải chịu 31.920.000 (ba mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 18.150.000 (mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004580 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương**